

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2019/HS-ST
Ngày 14/6/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Sang.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Thanh Hùng;
2. Ông Võ Hoàng Nghiệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Nhựt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:
Ông Hứa Thoại Khương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã K xét xử lưu động công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 21/2019/TLST-HS ngày 14 tháng 5 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2019/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 5 năm 2019, đối với:

Bị cáo Võ Thành N (N Ba Tây), sinh năm 1991 tại huyện C, tỉnh An Giang; Đăng ký HKTT: Ấp L, xã K, huyện C, tỉnh An Giang; Chỗ ở: Ấp Đ, xã Q, huyện A, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Tấn Đ và bà Lưu Thị Kim B; có vợ: bà Phan Thị T; con; 01 người, sinh năm 2018.

Tiền án: Ngày 10/9/2015, bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang xử phạt 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Đến ngày 01/3/2017 chấp hành xong án phạt tù. Thực hiện nghĩa vụ án phí là 1.025.000 đồng, Nam đã nộp 800.000 đồng, còn lại 225.000 đồng chưa nộp nên chưa được xóa án tích.

Tiền sự: Không.

Bị tạm giữ từ ngày 17/3/2019 sau đó chuyển tạm giam cho đến nay. Bị cáo bị tạm giam có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Ông **Đỗ Văn B**, sinh năm 1974. (Vắng mặt)

Cư trú: Ấp B, xã N, huyện A, tỉnh An Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1/ Bà **Võ Thị H**, sinh năm 1969; (Có mặt)

Cư trú: Ấp Đ, xã Q, huyện A, tỉnh An Giang.

2/ Bà **Phan Thị T**, sinh năm: 1993. (Có mặt)

Cư trú: Ấp Đ, xã Q, huyện A, tỉnh An Giang.

- *Người làm chứng:*

1/ Bà **Đỗ Thị Thu M**, sinh năm 2000; (Vắng mặt)

Cư trú: Ấp B, xã N, huyện A, tỉnh An Giang.

2/ Ông **Nguyễn Văn A**, sinh năm 1987; (Vắng mặt)

Cư trú: Ấp B, xã N, huyện A, tỉnh An Giang.

3/ Ông **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1988. (Vắng mặt)

Cư trú: Ấp B, xã N, huyện A, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 16/3/2019, bị cáo Võ Thành N (N Ba Tây) điều khiển xe mô tô biển số 67H9-3156 của mẹ vợ tên Võ Thị H đi từ ấp Đ, xã Q, huyện A đến ấp B, xã N, huyện A để tìm anh T (là bạn của N) rủ nhau đi vác xoài thuê nhưng không gặp, N điều khiển xe đi dọc theo đường tỉnh lộ 957 về xã Q. Trên đường về ngang nhà ông Đỗ Văn B ngụ ấp B, xã N, huyện A, bị cáo phát hiện bên hông nhà ông B có 02 con gà trống úp trong bụi, không ai trông giữ nên lén lút xuống bắt 02 con gà bỏ vào bao nylon, mang lên đường định điều khiển xe tẩu thoát thì bị chị M (con ruột của ông B) phát hiện và giật bao gà trên tay của bị cáo lại. Cùng lúc này, anh A trên đường đi ngang qua nghe tiếng M và bị cáo cự cãi, biết bị cáo có hành vi lấy trộm gà của nhà ông B nên A xông vào bắt giữ bị cáo giao cho Công an xã N, huyện A xử lý. Quá trình làm việc, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 10/KL.ĐGTSTTHS ngày 18/03/2019, của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện A, tỉnh An Giang, xác định: 01 (một) con gà trống, trọng lượng 2,5 kg, có giá trị $2,5\text{kg} \times 120.000 \text{ đồng/kg} = 300.000 \text{ đồng}$; 01 (một) con gà trống (loại gà tre) trọng lượng 0,9 kg có giá trị $0,9 \text{ kg} \times 120.000 \text{ đồng/kg} = 108.000 \text{ đồng}$. Tổng giá trị tài sản định giá: 408.000 đồng (Bốn trăm lẻ tám nghìn đồng).

Vật chứng thu giữ: 01 (một) xe mô tô biển số 67H9-3156, số máy: 1P52FMH3-20271043; số khung: VVTPCH022VT006305; 01 (một) khẩu trang màu xám (đã qua sử dụng); 01 (một) cái ví (đã qua sử dụng); 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A5 (đã qua sử dụng); 01 (một) cây dao bị gãy phần lưỡi dài 26 cm (cán nhựa dài 11 cm, lưỡi dài 15 cm x 2,5 cm); 01 (một) cái bao (đã qua sử dụng); 01 (một) cái nón kết đỏ - đen (đã qua sử dụng).

Ngày 20/3/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện A ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can Võ Thành N và ra lệnh bắt tạm giam.

Cáo trạng số 20/CT-VKSAP ngày 14 tháng 5 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện A truy tố bị can Võ Thành N (N Ba Tây) về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A giữ quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm

h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo từ 09 (chín) tháng đến 01 (một) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 17/3/2019.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại toàn bộ tài sản bị chiếm đoạt, không có yêu cầu gì về trách nhiệm bồi thường nên không đặt ra xem xét.

Về xử lý vật chứng:

Đề nghị: Trả lại cho bị cáo 01 (một) cái khẩu trang màu xám (đã qua sử dụng); 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A5 (đã qua sử dụng); 01 (một) cái nón kết đỏ - đen (đã qua sử dụng); 01 (một) cái ví (đã qua sử dụng).

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) cây dao bị gãy phần lưỡi dài 26cm (cán nhựa dài 11cm, lưỡi dài 15cm x 2,5cm); 01 (một) cái bao (đã qua sử dụng).

Tiếp tục tạm giữ 01 xe mô tô số máy: 1P52FMH-320271043; số khung: VVTPCH022VT006305 hiện đang do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện A quản lý để làm rõ, xử lý sau.

Tại phiên tòa:

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát. Trong lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

Bà H trình bày: Bà mua xe mô tô biển kiểm soát 67H9 – 3156 , với giá 3.500.000 đồng. Khi mua bán không lập hợp đồng mua bán, đến nay chưa làm thủ tục sang tên. Khi giao nhận xe không đối chiếu đặc điểm ghi nhận trên giấy chứng nhận đăng ký với đặc điểm thực của xe máy như: số máy, số khung, biển kiểm soát và cho vợ chồng N mượn sử dụng vào đầu năm 2019. Bà yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bà T trình bày: Bà H cho vợ chồng bà mượn xe mô tô biển kiểm soát 67H9 – 3156 sử dụng làm phương tiện để đi làm thuê. Cuối tháng 3/2019, trên đường đi từ nhà đến Công an xã Q để xác nhận thăm gặp bị cáo N thì bà đánh rơi mất giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị hại và những người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa nhưng họ đã có lời khai tại Cơ quan Cảnh sát điều tra được thể hiện trong hồ sơ vụ án. Xét việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Căn cứ Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng những người nêu trên.

[2] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng: Quá trình khởi tố, điều tra, truy tố các Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn khi thực hành quyền công tố. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về tội danh và tình tiết định khung hình phạt: Tại phiên tòa, bị cáo tiếp tục khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ

quan điều tra. Hành vi phạm tội của bị cáo còn được chứng minh bằng vật chứng thu giữ cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 13 giờ ngày 16/3/2019, bị cáo có hành vi lén lút bắt 02 con gà của ông Đỗ Văn B thì bị chị M phát hiện cùng với anh A quay bắt và giao bị cáo cho Công an xã N, huyện A xử lý. Quá trình làm việc, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của ông B, quyền sở hữu tài sản của người khác luôn được pháp luật bảo vệ. Bị cáo biết rõ hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn thực hiện. Bị cáo lợi dụng đường vắng, không ai quản lý tài sản nên đã lén lút lấy trộm hai con gà của bị hại với giá trị theo định giá là 408.000 đồng, tuy nhiên trước đó bị cáo đã bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang xử phạt 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” đã chấp hành xong hình phạt tù nhưng thời điểm phạm tội này bị cáo vẫn chưa được xóa án tích. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội dưới hình thức là lỗi cố ý trực tiếp. Trước, trong và sau khi phạm tội bị cáo không bị bệnh tâm thần hoặc bệnh khác làm mất khả năng nhận thức, bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Vì vậy, bị cáo phải hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với hành vi mà bị cáo gây ra. Từ những phân tích nêu trên, có đủ cơ sở kết luận Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo Võ Thành N về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm đ khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

4] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, không có thiệt hại xảy ra do bị hại đã lấy được tài sản, bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo, trình độ học vấn thấp nên hạn chế về khả năng hiểu biết pháp luật. Do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự*: Bị cáo tuy có tiền án chưa được xóa án tích nhưng lần phạm tội này tiết tiết định tội đã được áp dụng để khởi tố bị cáo nên không sử dụng tình tiết đó làm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Do đó, trong vụ án này bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[6] *Về hình phạt*: Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi của bị cáo gây ra: Bản thân của bị cáo là một thanh niên khỏe mạnh, lẽ ra bị cáo phải siêng năng lao động để tạo ra thu nhập chính đáng phục vụ cho nhu cầu của bản thân nhưng ngược lại bị cáo muốn hưởng thụ tài sản của người khác một cách trái pháp luật mà không cân bỏ công sức lao động, bị cáo chấp nhận dần thân vào con đường phạm tội, chấp nhận đánh mất cuộc sống tự do. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự xem thường pháp luật, xem thường quyền sở hữu tài sản của người khác, hành vi của bị cáo không những vi phạm pháp luật hình sự mà còn gây dư luận ảnh hưởng đến trật tự trị an trên địa bàn nơi tội phạm xảy ra, làm cho người dân hoang mang lo sợ, không an tâm lao động sản xuất. Bản thân bị cáo đã trưởng thành, trước, trong và sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người có nhận thức bình thường, không bị bệnh tâm thần hay hạn chế về thể chất, bị cáo có đủ tuổi và đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Bị cáo đã từng bị kết án, tuy đã chấp hành xong hình phạt nhưng chưa được xóa án tích nhưng nay lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội mới với lỗi cố ý, điều này thể hiện bị cáo không có ý thức cải tạo, sửa đổi bản thân, không cảm thấy xấu hổ về hành vi phạm tội của mình, xem thường quy định pháp luật. Do đó, lần phạm tội này cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc để bị cáo có điều kiện cải tạo trong

môi trường nghiêm khắc hơn nhằm đạt hiệu quả cải tạo tốt hơn. Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát về việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là có cơ sở nên chấp nhận, mức án mà Viện kiểm sát đề nghị là đã đảm bảo tính răn đe giáo dục đối với bị cáo, phù hợp với hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện. Do đó, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo suy ngẫm về bản thân, để khi được trở về với xã hội bị cáo biết trân trọng cuộc sống tự do, sửa đổi thành một công dân tốt, thành con người có ích cho gia đình và xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Lẽ ra bị cáo còn phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền nhưng xét hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn nên không áp dụng.

[5] Trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về xử lý vật chứng:

01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A5 (đã qua sử dụng); 01 cái khẩu trang màu xám (đã qua sử dụng); 01 cái nón kết đỏ - đen (đã qua sử dụng); 01 cái ví (đã qua sử dụng) là tài sản cá nhân của bị cáo không liên quan đến tội phạm nên trả lại cho bị cáo.

01 cây dao bị gãy phần lưỡi dài 26cm (cán nhựa dài 11cm, lưỡi dài 15cm x 2,5cm); 01 cái bao (đã qua sử dụng) là vật chứng liên quan đến tội phạm, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với xe mô tô biển kiểm soát 67H9 – 3156 bị cáo dùng thực hiện hành vi phạm tội. Qua xác minh, điều tra thì xe bị cáo sử dụng vốn có biển kiểm soát 64B1-988.73 còn biển kiểm soát 67H9-3156 là không có thật; chủ xe là ông Đặng Văn L, địa chỉ: 72/21 khóm 4, phường 3, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. Ông L mua xe hóa giá từ Phòng Cảnh sát giao thông đường bộ - Công an tỉnh Vĩnh Long vào tháng 11/2017 và bị mất trộm vào tháng 12/2017 nhưng không trình báo với Công an.

Nhằm đảm bảo quyền lợi của ông L, bà H cũng như phục vụ cho công tác điều tra, truy tố, xét xử trong vụ án khác có liên quan đến tài sản này (nếu có), Hội đồng xét xử xét thấy cần phải tách ra để giải quyết bằng một vụ án khác.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng (án phí hình sự sơ thẩm).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 38; Điều 46, Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017);

Căn cứ các Điều 106, Điều 136, Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Căn cứ Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Võ Thành N (N Ba Tây) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Võ Thành N (N Ba Tây) 09 (chín) tháng tù. Thời

hạn tù được tính kể từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 17/3/2019.

Các biện pháp tư pháp: Trả lại cho bị cáo 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A5 (đã qua sử dụng); 01 cái khẩu trang màu xám (đã qua sử dụng); 01 (một) cái nón kết đỏ - đen (đã qua sử dụng); 01 (một) cái ví (đã qua sử dụng).

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) cây dao bị gãy phần lưỡi dài 26cm (cán nhựa dài 11cm, lưỡi dài 15cm x 2,5cm); 01 (một) cái bao (đã qua sử dụng).

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 02/5/2019 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện A và Chi cục Thi hành án dân sự huyện A)

Tiếp tục tạm giữ 01 xe mô tô số máy: 1P52FMH-320271043; số khung: VVTPCH022VT006305 hiện đang do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện A quản lý để làm rõ, xử lý sau.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/3/2019 giữa Công an xã N, huyện A và Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện A)

Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 14/6/2019), bị cáo N, bà H, bà T có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo của ông B là 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện A (02);
- Tòa án nhân dân tỉnh (01);
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang (01);
- Nhà Tạm giữ (01);
- Thi hành án DS huyện (01);
- Bộ phận THAHS Tòa án (01);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (01);
- Người bị hại, liên quan (nếu có);
- Lưu hồ sơ vụ án (01);
- Lưu văn phòng (01).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Sang